**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN: NGỮ VĂN**

**Năm học 2020-2021**

**KHỐI 6**

Cả năm: 35 tuần thực hiện 140 tiết.

Học Kỳ I: 18 tuần x 4 tiết = 72 tiết.

Học kỳ II: 17 tuần x 4 tiết = 68 tiết.

**HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài** | **Thời lượng dạy học** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Điều chỉnh thực hiện** |
| 1 | 1 | Bánh chưng, bánh giầy | 1 | - Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền thuyết  - Cốt lõi lịch sử thời kì dựng nước của dân tộc ta trong một tác phẩm thuộc nhóm truyền thuyết thời kì Vua Hùng.  - Cách giải thích của người Việt cổ về một phong tục và quan niệm đề cao lao động, đề cao nghề nông - một nét đẹp văn hoá của người Việt. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 2 | Từ và cấu tạo từ Tiếng Việt | 1 | - Định nghĩa về từ, từ đơn, từ phức, các loại từ phức.  - Đơn vị cấu tạo từ Tiếng Việt. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 3 | Giao tiếp, văn bản và phương thức biểu đạt | 1 | - Sơ giản về hoạt động truyền đạt, tiếp nhận tư tưởng, tình cảm bằng phương tiện ngôn từ: giao tiếp, văn bản, phương thức biểu đạt, kiểu văn bản.  - Sự chi phối của mục đích giao tiếp trong việc lựa chọn phương thức biểu đạt để tạo lập văn bản.  - Các kiểu văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, lập luận, thuyết minh và hành chính – c. vụ. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 4 | Từ mượn | 1 | - Khái niệm từ mượn; nguồn gốc của từ mượn trong tiếng Việt.  - Nguyên tắc mượn từ trong tiếng Việt.  - Vai trò của từ mượn trong hoạt động giao tiếp và tạo lập văn bản | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 2,3 | 5-10 | Chủ đề: Văn tự sự, đặc điểm của văn tự sự | 6 | - Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền thuyết về đề tài giữ nước.  - Những sự kiện và di tích phản ánh lịch sử đấu tranh giữ nước của ông cha ta được kể trong một tác phẩm truyền thuyết.  - Cách giải thích hiện tượng lũ lụt xảy ra tại châu thổ Bắc Bộ thuở các vua Hùng dựng nước và khát vọng của người Việt cổ trong việc chế ngự thiên tai , lũ lụt, bảo vệ cuộc sống của mình.  - Đăc điểm của văn bản tự sự  - Vai trò của sự việc và nhân vật trong văn bản tự sự  - Ý nghĩa và mối quan hệ của sự việc và nhân vật trong văn bản tự sự. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 3,4 | 11 | Nghĩa của từ | 1 | - Khái niệm nghĩa của từ  - - Cách giải thích nghĩa của từ. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 12-13 | Sự tích Hồ Gươm | 2 | - Nhân vật, sự kiện trong truyền thuyết ***Sự tích Hồ Gươm***  - Truyền thuyết địa danh, cốt lõi lịch sử trong một số tác phẩm thuộc chuỗi truyền thuyết về người anh hùng Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 4,5 | 14-15 | Chủ đề và dàn bài của bài văn tự sự | 2 | - Yêu cầu về sự thống nhất chủ đề trong một văn bản tự sự.  - Những biểu hiện của mối quan hệ giữa chủ đề và sự việc trong bài văn tự sự.  - Bố cục của bài văn tự sự. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 16-17 | Tìm hiểu đề và cách làm bài văn tự sự | 2 | - Cấu trúc, yêu cầu của đề văn tự sự qua những từ ngữ được diễn đạt trong đề.  - Tầm quan trọng của việc tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý khi làm bài văn tự sự.  - Nhưng căn cứ để lập ý và lập dàn ý. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 5 | 18 | Ôn tập truyền thuyết | 1 | - Ôn tập toàn bộ kiến thức về truyền thuyết. | Cả lớp, cá nhân. |  |
| 19 | Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ | 1 | - Giúp HS nắm được khái niệm từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.  - Hiểu được thế nào là nghĩa gốc và nghĩa chuyển | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 20 | Lời văn, đoạn văn tự sự | 1 | - Lời văn tự sự: dung để kể người và kể việc.  - Đoạn văn tự sự : Gồm một số câu, được xác định giữahai dấu chấm xuống dòng | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 6 | 21-22 | Thạch Sanh | 2 | Nhóm truyện cổ tích ca ngợi người dũng sĩ.  - Niềm tin thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà của tác giả dân gian và nghệ thuật tự sự dân gian của truyện cổ tích Thạch Sanh | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 23-24 | Chữa lỗi dùng từ | 2 | - Các lỗi dùng từ: lặp từ và lẫn lộn những từ gần âm, lỗi do dùng từ không đúng nghĩa  - Cách chữa các lỗi từ và lẫn lộn những từ gần âm, dùng từ không đúng nghĩa | Cả lớp, nhóm, cá nhân. | Tập trung phần I, II bài *“Chữa lỗi dùng từ*” và I bài “*Chữa lỗi dùng từ”* (tiếp) |
| 7 | 25-26 | Đọc thêm: Cây bút thần | 2 | - Quan niệm của nhân dân về công lý xã hội, mục đích của tài năng nghệ thuật của truyện Cây bút thần.  - Cốt truyện hấp dẫn với nhiều chi tiết thần kì.  - Sự lặp lại tăng tiến của các tình tiết, sự đối lập giữa các nhân vật | Cả lớp, cá nhân, nhóm. |  |
| 27-28 | Em bé thông minh | 2 | - Đặc điểm của truyện cổ tích qua nhân vật, sự kiện, cốt truyện ở tác phẩm Em bé thông minh.  - Cấu tạo xâu chuỗi nhiều mẩu chuyện về thử thách mà nhân vật đã vượt qua trong truyện cổ tích sinh hoạt.  - Tiếng cười vui vẻ hồn nhiên nhưng không kém phần sâu sắc. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 8 | 29-30 | Danh từ | 2 | - Khái niệm danh từ :  + Nghĩa khái quát của danh từ.  + Đặc điểm ngữ pháp của danh từ (khả năng kết hợp, chức vụ ngữ pháp)  - Các loại danh từ. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. | Tập trung phần III (Danh từ), II (Danh từ -tiếp) |
| 31 | Ngôi kể và lời kể trong văn tự sự | 1 | - Khái niệm ngôi kể trong văn bản tự sự  - Sự khác nhau của ngôi kể thứ ba và ngôi kể thứ nhất.  - Đặc điểm riêng của mỗi ngôi kể. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 32 | Luyện nói kể chuyện | 1 | - Cách trình bày miệng một bài kể chuyện dựa theo dàn bài đã chuẩn bị. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 9 | 33 | Thứ tự kể trong văn tự sự | 1 | - Hai cách kể - hai thứ tự kể xuôi, kể ngược.  - Điều kiện cần có khi kể xuôi, kể ngược. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 34 | - Ếch ngồi đáy giếng | 1 | -- Đặc điểm của nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm ngụ ngôn.  - Ý nghĩa giáo huấn sâu sắc của truyện ngụ ngôn.  - Nghệ thuật đặc sắc của truyện : mượn chuyện | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 35-36 | Ôn tập | 2 | Ôn tập 3 phân môn đã học để chuẩn bị kiểm tra giữa HK1. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 10 | ***37-38*** | ***Kiểm tra giữa HK1*** | ***2*** | ***- Củng cố kiến thức văn từ tuần đầu đến hiện tại.*** | ***Cả lớp.*** |  |
| 39 | Thầy bói xem voi | 1 | - Đặc điểm của nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm ngụ ngôn.  - Cách kể chuyện ý vị, tự nhiên, độc đáo. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 40 | Chỉ từ | 1 | - Khái niệm chỉ từ.  - Nghĩa khái quát của chỉ từ.  - Đặc điểm ngữ pháp của chỉ từ : khả năng kết hợp, chức vụ ngữ pháp của CT | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 11 | 41 | Luyện nói kể chuyện | 1 | - Chủ đề, dàn bài, đoạn văn, lời kể và ngôi kể trong văn tự sự  - Yêu cầu của việc kể một câu chuyện của bản thân. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 42 | Cụm danh từ | 1 | - Nghĩa của cụm danh từ  - Chức năng ngữ pháp của cụm danh từ  - Cấu tạo đầy đủ của cụm danh từ.  - Ý nghĩa của phụ ngữ trước và phụ ngữ sau trong cụm danh từ. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 43 | Luyện tập về danh từ và cụm danh từ | 1 | - Luyện tập cách nhận diện và kĩ năng viết danh từ, cụm danh từ trong câu và đoạn văn. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 44 | Trả bài kiểm tra giữa HK1 | 1 | - Chữa bài kiểm tra để HS rút ra kinh nghiệm cho bài làm sau. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 12 | 45 | Luyện tập xây dựng bài tự sự: Kể chuyện đời thường | 1 | - Nhân vật và sự việc được kể trong kể chuyện đời thường.  - Chủ đề, dàn bài, ngôi kể và lời trong kể chuyện đời thường | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 46 | Treo biển | 1 | - Khái niệm truyện cười  - Đặc điểm của thể loại truyện cười với nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm ***Treo biển***.  - Cách kể chuyện hài hước về người làm việc không suy xét không có chủ kiến trước những ý kiến của người khác (***Treo biển***). | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 47 | - Hướng dẫn đọc thêm: Lợn cưới, áo mới | 1 | - Đặc điểm của thể loại truyện cười với nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm ***Lợn cưới áo mới.***  - Cách kể chuyện hài hước về những kẻ hay khoe khoang, hợm hĩnh một cách lố bịch chỉ làm trò cười cho người khác | Cả lớp, nhóm, cá nhân |  |
| 48 | Ôn tập truyện cười | 1 | - Học sinh vận dụng kiến thức đã học để viết bài văn tự sự kể chuyện đời thường.  - Học sinh biết kể một câu chuyện có ý nghĩa. | Cả lớp. |  |
| 13 | 49 | Số từ và lượng từ | 1 | - Khái niệm số từ và lượng từ.  - Nghĩa khái quát của số từ và lượng từ.  - Đặc điểm ngữ pháp của số từ và lượng từ : khả năng kết hợp, chức vụ ngữ pháp của số từ và lượng từ | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 50 | Kể chuyện tưởng tượng | 1 | - Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm tự sự  - Vai trò của tưởng tượng trong tự sự. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 51-52 | Ôn tập truyện dân gian | 2 | - Đặc điểm thể loại cơ bản của truyện dân gian đã học.  - Nội dung, ý nghĩa và đặc sắc nghệ thuật của các truyện dân gian đã học. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 14 | 53 | Phó từ | 1 | - Khái niệm phó từ, ý nghĩa khái quát của phó từ.  - Đặc điểm khái quát của phó từ (khả năng kết hợp, chức vụ ngữ pháp)  - Các loại phó từ. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 54 | Luyện tập kể chuyện tưởng tượng | 1 | - Tưởng tượng và vai trò của tưởng tượng trong tự sự. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 55 | Động từ | 1 | - Đặc điểm của động từ  - Đặc điểm ngữ pháp của động từ | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 56 | Cụm động từ | 1 | - Nghĩa của cụm động từ.  - Chức năng ngữ pháp của cụm động từ  - Cấu tạo đầy đủ của cụm động từ  - Ý nghĩa của phụ ngỡ trước và phụ ngữ sau trong cụm động từ | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 15 | 57 | Luyện tập về động từ và cụm động từ | 1 | - Rèn kĩ năng nhận diện và viết các động từ, cụm động từ trong đoạn văn. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 58 | Tính từ và cụm tính từ | 1 | - Khái niệm tính từ: ý nghĩa khái quát, đặc điểm ngữ pháp của tính từ.  - Các loại tính từ; cụm tính từ; nghĩa của phụ ngữ đứng trước và phụ ngữ đứng sau; nghĩa của cụm tính từ; chức vụ ngữ pháp của CTT; cấu tạo đầy đủ của CTT | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 59 | Luyện tập về tính từ và cụm tính từ | 1 | - Rèn kĩ năng nhận diện và viết các tính từ và cụm tính từ trong đoạn văn | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 60 | Đọc thêm: Con hổ có nghĩa | 1 | - Đặc điểm thể loại truyện trung đại.  - Ý nghĩa đề cao đạo lí, nghĩa tình ở truyện Con hổ có nghĩa.  - Nét đặc sắc trong nghệ thuật truyện. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 16,17 | 61 | Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng | 1 | - Phẩm chất vô cùng cao đẹp của vị Thái y Lệnh.  - Đặc điểm nghệ thuật của tác phẩm truyện Trung đại : gần với kí – ghi chép sự việc  - Truyện nêu cao gương sáng của một lương y chân chính | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 62-63 | Ôn tập tiếng Việt | 2 | - Các kiến thức về phần Tiếng việt đã học. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 64-65 | Ôn tập tập làm văn | 2 | - Các kiến thức về phần tập làm văn đã học (văn tự sự) | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 17 | 66-67 | Ôn tập tổng hợp | 2 | - Kiểm tra tổng hợp kiến thức đã học trong học kì I ở 3 phân môn : văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 68 | Luyện viết chính tả | 1 | - Rèn luyện chữa các lỗi chính tả thường gặp cho HS. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 18 | ***69-70*** | ***Kiểm tra học kì I*** | ***2*** | ***- Kiểm tra tổng hợp kiến thức đã học trong học kì I ở 3 phân môn : văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn*** | ***Cá nhân.*** |  |
| 71 | Văn học địa phương: Sự tích đền Thượng, núi Đuổm | 1 | - Học sinh thấy được đạo đức và chiến công của người anh hùng dân tộc Dương Tự Minh.  - Tư tưởng nhân đạo sâu sắc, vì dân vì con người nghèo khổ, không cần chức tước, danh lợi,,  - Yếu tố thần kì tạo sự hấp dẫn cho tác phẩm. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 72 | Trả bài Kiểm tra học kì I. | 1 | Trả bài, chữa bài, chữa bài để học sinh nhận ra ưu điểm, khuyết điểm của bài mình làm ; chữa lỗi cho học sinh | Cả lớp. |  |

**HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài** | **Thời lượng dạy học** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Điều chỉnh thực hiện** |
| 19 | 73-74 | Bài học đường đời đầu tiên | 2 | - Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một văn bản truyện viết cho thiếu nhi,  - Dế mèn, một hình sảnh đẹp của tuổi trẻ sôi nổi nhưng tính tình bồng bột và kiêu ngạo.  - Một số biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc trong đoạn trích. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 75 | Tìm hiểu chung về văn miêu tả | 1 | - Mục đích của miêu tả  - Cách thức miêu tả. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 19,20 | 76-81 | Chủ đề: So sánh và tác dụng của so sánh trong văn miêu tả | 6 | - Sơ giản về tác giả, tác phẩm Đất rừng Phương Nam, Vượt thác.  - Vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống của con người vùng Phương Nam và dọc sông thu Bồn.  - Tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật được dùng trong đoạn trích.  - Các kiểu so sánh cơ bản và tác dụng của so sánh khi nói và viết | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
|  | 82 | Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả | 1 | - Mối quan hệ trực tiếp của quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.  - Vai trò tác dụng của quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 83-84 | Bức tranh của em gái tôi | 2 | - Tình cảm của người em có tài năng đối với anh.  - Những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật và nghệ thuật kể chuyện.  - Cách thức thể hiện vấn đề giáo dục nhân cách của câu chuyện : không khô khan, giáo huấn mà tự nhiên, sâu sắc qua tự sự nhận thức của nhân vật. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 22 | 85 | Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả | 1 | - Mối quan hệ trực tiếp của quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.  - Vai trò, tác dụng của quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 86-87 | Chương trình địa phương: Sự tích sông Công, núi Cốc | 2 | - HS thấy được mô típ người con mồ côi trong chuyện cổ dân gian: cần cù chịu khó, nhân hậu và tài hoa, yếu tố thần kì trong chuyện  - Mối tình đằm thắm thuỷ chung của nàng Công, chàng cốc. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 88 | Phương pháp tả cảnh | 1 | - Yêu cầu của bài văn tả cảnh.  - Rèn kĩ năng tìm ý, lập dàn ý cho bài văn tả cảnh. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 23 | 89-90 | Luyện tập phương pháp tả cảnh | 2 | - Cách làm bài văn tả cảnh. | Cá nhân, cả lớp. |  |
| 91-92 | Buổi học cuối cùng | 2 | - Cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời đối thoại và lời độc thoại trong tác phẩm.  - Ý nghiõa giá trị của tiếng nói dân tộc.  - Tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật. được sử dụng trong truyện. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 24 | 93 | Nhân hóa | 1 | - Khái niệm nhân hoá, các kiến thức nhân hoá.  - Tác dụng của phép nhân hoá. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 94 | Phương pháp tả người | 1 | - Cách làm bài văn tả người, bố cục, thứ tự miêu tả ; cách xây dựng lời văn và đoạn văn trong bài văn tả người. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 95-96 | Đêm nay Bác không ngủ | 2 | - Hình ảnh Bác Hồ trong cảm nhận của người chiến sĩ.  - Sự kết hợp giữa yếu tố tự sự với yếu tố miêu tả và biểu cảm với các biện pháp nghệ thuật khác được được sử dụng trong bài thơ. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 25,26 | 97 | Ẩn dụ | 1 | - Khái niệm ẩn dụ, các kiểu ẩn dụ  - Tác dụng của phép ẩn dụ. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. | Tập trung phần I, III. |
| 98 | Luyện nói về văn miêu tả | 1 | - Phương pháp làm một bài văn tả người  - Cách trình bày miệng một đoạn văn, bài văn miêu tả : Nói dựa theo dàn bài đã chuẩn bị. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 99 | Đọc thêm: Mưa | 1 | - Nét đặc sắc của bài thơ: Sự kết hợp giữa bức tranh thiên nhiên phong phú, sinh động trước và trong cơn mưa.  - Tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản. | Cá nhân, cả lớp, nhóm |  |
| 100  101 | Lượm | 2 | - Vẻ đẹp hồn nhiên, vui tươi, trong sáng và ý nghĩa cao cả trong sự hy sinh của nhân vật Lượm.  - Tình cảm yêu mến trân trọng cuả tác giả dành cho Lượm.  - Các chi tiết miêu tả và tác dụng, nét đặc sắc trong nghệ thuật tả nhân vật kết hợp với tự sự và bộc lộ cảm xúc | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 26 | 102 | Hoán dụ | 1 | - Khái niệm hoán dụ, các kiểu hoán dụ.  - Tác dụng của phép hoán dụ | Cả lớp, nhóm, cá nhân. | Tập trung phần I, III. |
| 103 | Luyện tập các phép tu từ: So sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa | 1 | - Ôn tập các phép tu từ đã học. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 104 | Ôn tập | 1 | - Ôn tập 3 phân môn đã học để chuẩn bị kiểm tra giữa kì II. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 27 | ***105 106*** | ***Kiểm tra giữa HK2*** | ***2*** | ***Kiểm tra kiến thức về phần Văn đã học từ đầu kì II.*** | ***Cá nhân*** |  |
| 107 108 | Tập làm thơ 4 chữ; Thi làm thơ 5 chữ | 2 | - Một số đặc điểm của thể thơ tám chữ.  - Các kiểu văn bản được sử dụng trong thơ nói chung và thơ bốn chữ nói riêng.  - Đặc điểm của thể thơ năm chữ.  - Các khái niệm vần chân, vần lưng, vần liền, vần cách được củng cố lại | Cả lớp, nhóm, cá nhân. | Tập trung phần II. |
| 28 | 109 110 | Cô Tô | 2 | - Vẻ đẹp của đất nước ở một vùng biển đảo.  - Tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản. | Cá nhân, cả lớp, nhóm. |  |
| 111 112 | Cây tre Việt Nam | 2 | - Hình ảnh cây tre trong trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam.  - Những đặc điểm nổi bật về giọng điệu và ngôn ngữ của bài kí. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 29 | 113 -115 | Câu trần thuật đơn | 3 | - Đặc điểm ngữ pháp của câu trần thuật đơn.  - Đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ là.  - Các kiểu câu trần thuật đơn không có từ là | Cả lớp, nhóm, cá nhân. | Tập trung phần I mỗi bài. |
| 116 | Trả bài Kiểm tra giữa HK2 | 1 | - Trả bài và chữa lỗi cho HS để học sinh thấy được ưu, khuyết điểm của bài mình làm. Từ đó rút kinh nghiệm cho bài kiểm tra sau. | Cá nhân. |  |
| 30 | 117 | Đọc thêm: Lòng yêu nước | 1 | - Lòng yêu nước bắt nguồn từ lòng yêu những gì gần gũi thân thuộc của quê hương và được thể hiện rõ nhất trong hoàn cảnh gian nan, thử thách. Lòng yêu nước trở thành sức mạnh , phẩm chất của người anh hùng | Cả lớp. |  |
| 118 | Đọc thêm: Lao xao | 1 | - Thế giới các loài chim đã tạo nên vẻ đẹp đặc trưng của thiên nhiên ở một làng quê miền Bắc.  - Tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật khi miêu tả các loài chim ở làng quê trong bài văn | Cả lớp, cá nhân. |  |
| 119 | Ôn tập văn miêu tả | 1 | - Sự khác nhau giữa văn miêu tả và văn tự sự: Văn tả cảnh và văn tả người.  - Yêu cầu, bố cục của một bài văn miêu tả. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 120 | Ôn tập truyện và kí | 1 | - Nội dung cơ bản và những nét đặc sắc về nghệ thuật của các tác phẩm truyện kí hiệnu đại đã học.  - giống nhau và khác nhau giữa truyện và kí. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 31 | 121-122 | Chữa lỗi về chủ ngữ, vị ngữ | 1 | - Lỗi do câu thiếu chủ ngữ, vị ngữ.  - Cách chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ.  - Các loại lỗi do đặt câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ và lỗi về quan hệ ngữ nghĩa giữa chủ ngữ với vị ngữ.  - Cách chữa lỗi do đặt câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ và lỗi về quan hệ ngữ nghĩa giữa chủ ngữ với vị ngữ | Cả lớp, nhóm, cá nhân. | Tập trung phần I, II. |
| 123 124 | Đọc thêm: Động Phong Nha | 2 | - Hiểu, nắm vững văn bản nhật dụng.  - Cảm nhận được vẻ đẹp lộng lẫy, kì ảo của Động Phong Nha.  - Có thái độ yêu quí, tự hào, bảo vệ môi trường và danh lam thắng cảnh. | Cá nhân. |  |
| 32 | 125  126 | Viết đơn | 2 | - Các loại đơn thường gặp và các nội dung không thể thiếu trong đơn.  - Các lỗi thường mắc phải khi viết đơn.  - Cách sửa chữa các lỗi thường mắc phải khi viết đơn. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. | Tập trung phần III (Viết đơn), II, III (Luyện tập cách viết đơn và sửa lỗi). |
| 127 128 | Bức thư của thủ lĩnh da đỏ | 2 | - Ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường.  - Tiếng nói đầy tình cảm và trách nhiệm đối với thiên nhiên, môi trường sống của thủ lĩnh da đỏ. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 33 | 129 | Ôn tập về dấu câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than) | 1 | Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 130 | Ôn tập về dấu câu (dấu phẩy) | 1 | - Công dụng của dấu phẩy. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 131 | Ôn tập tổng hợp về dấu câu | 1 | - Ôn tập, củng cố kĩ năng viết chính tả về dấu câu | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 132 | Tổng kết phần Văn | 1 | - Bố cục của các loại văn bản đã học.  - Nội dung nghệ thuật của các văn bản. | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 34 | 133 | Tổng kết phần Tập làm văn | 1 | - Hệ thống kiến thức về về các phương thức biểu đạt đã học.  - Đặc điểm và cách thức tạo lập các kiểu văn bản. | Cả lớp. |  |
| 134  135 | Tổng kết phần Tiếng Việt | 2 | - Danh từ, động từ, tính từ, cụm động từ.  - Các thành phần chính của câu; các kiểu câu; các phép nhân hoá, so sánh, ẩn dụ, hoán dụ.  - Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy. | Cả lớp. |  |
| 136 | Ôn tập tổng hợp | 1 | - Ôn tập tổng hợp cả 3 phân môn: văn, Tiếng Việt và tập làm văn | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| 35 | 137 | Ôn tập tổng hợp (tiếp) | 1 | - Ôn tập tổng hợp cả 3 phân môn: văn, Tiếng Việt và tập làm văn | Cả lớp, nhóm, cá nhân. |  |
| ***138***  ***139*** | ***Kiểm tra học kì II*** | ***2*** | ***- Kiểm tra tổng hợp cả 3 phân môn: văn, Tiếng Việt và tập làm văn đã học trong kì II. (Theo đề của phòng giáo dục )*** | ***Cá nhân.*** |  |
| 140 | Trả bài Kiểm tra HKII. | 1 | Trả bài, chữa bài chỉ ra ưu khuyết điểm và chữa lỗi cho HS. | Cả lớp. |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG**  **Đặng Vũ Trường** | **TỔ TRƯỞNG CM**  **Hoàng Thị Tư** | *Hợp Tiến, ngày tháng 9 năm 2020*  **NGƯỜI LẬP**  **Bùi Thị Duyên** |